TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cáp Thị Quyên – Bí thư đoàn xã Hợp Đức.

2. Bà Giáp Thị Hiền – Chủ tịch Hội chữ thập Đỏ huyện T.

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023. Về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giáp Thị L, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Việt L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Việt L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Giáp Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Th kết hôn trên cơ sở có tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/11/2004. Sau khi kết hôn chị và anh Th về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình nhà anh Th. Đến năm 2009 vợ chồng chị chuyển ra sinh sống tại thôn Ng, xã Việt L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung,

anh Th không chịu khó làm ăn hay xảy ra xung đột, cãi nhau. Đến năm 2020, sau khi hai con chết do đuối nước thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mặt khác anh Th hay ghen vô cớ, hay xúc phạm chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân với anh Th từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con, đã chết năm 2020, hiện vợ chồng chị chưa có con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Giáp Thị L trình bày là đúng. Anh và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/11/2004. Quá trình chung sống vợ chồng anh có hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi mâu thuẫn nhỏ, bản thân anh hay ghen bóng gió nên dẫn đến vợ chồng xung đột, cãi nhau anh nghĩ một phần lỗi do anh. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong vợ chồng về đoàn tụ, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Giáp Thị L.

Về con chung: Chị Giáp Thị L trình bày về con chung là đúng, anh không bổ sung thêm gì.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giáp Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th.

Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Hữu Th có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Giáp Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp ly hôn".

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Giáp Thị L và anh Nguyễn Hữu Th kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/11/2004. Do vậy hôn nhân giữa vợ chồng chị L và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh Th đều thừa nhận có mẫu thuẫn xẩy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, bản thân anh Th hay ghen dẫn đến vợ chồng xẩy cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân khoảng từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Mặt khác tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết: Vào năm 2020, hai con của vợ chồng anh Th, chị L chết do đuối nước, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng có xẩy ra, địa phương đã phân tích động viên cho vợ chồng nhưng chị L nhất quyết ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống vợ chồng chị L và anh Th đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đây là những chứng cứ đương sự thừa nhận đã có lời khai trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 5 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên cần xử cho chị Giáp Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Chị Giáp Thị L và anh Nguyễn Hữu Th chưa có con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác*: Chị L và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Giáp Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giáp Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giáp Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th.

2. Về con chung: Chị Giáp Thị L và anh Nguyễn Hữu Th không có con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu số: 0012025 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Việt L;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

Vi Thị Hương Giang